TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2021
***V/v:* " Xin ly hôn, nuôi con ".**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/Ông Hồ Trung Hậu
2/Ông Đồng Phước Tài

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không tham dự phiên tòa.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 234/2020/TLST-HN ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HN ngày 25/03/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2021/QĐST – HN, ngày 16/4/2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Tuyết L, sinh năm 1988 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ 20, ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.
- Bị đơn: Anh Thái Hồng V, sinh năm 1980 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Tổ 20, ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 23/12/2020 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị Tuyết L trình bày:

Chị Đặng Thị Tuyết L và anh Thái Hồng V quen biết nhau, được sự đồng ý của gia đình hai bên nên tổ chức lễ cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lược, huyện Bình Tân, Vĩnh Long và được cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 19/01/2008. Nữ trang ngày cưới gồm 7 chỉ vàng 24k, hiện đã bán tiêu xài hết.

Sau khi cưới, vợ chồng về sống chung với gia đình cha mẹ chồng ở xã L, huyện B, Vĩnh Long. Vợ chồng sinh được 2 con chung tên Thái Ngọc T sinh ngày 20/12/2010; Thái Tiến T1, sinh ngày 19/9/2015.

Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập ra tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng.

Về mâu thuẫn gia đình: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống; kinh tế gia đình gặp khó khăn; từ đó vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc đãn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Tuyết L xin ly hôn với anh Thái Hồng V. Về con chung: Cháu Thái Ngọc T, sinh ngày 20/12/2010; Thái Tiến T1, sinh ngày 19/9/2015, chị L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 2 con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

* Bị đơn anh Thái Hồng V vắng mặt.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Đặng Thị Tuyết L trình bày: Về thời gian kết hôn, nữa trang, con chung là đúng theo đơn khởi kiện.

Về mâu thuẫn gia đình: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, hay cải vả với nhau do kinh tế gia đình gặp khó khăn; từ đó vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Tuyết L xin ly hôn với anh Thái Hồng V. Về con chung: Thái Ngọc T, sinh ngày 20/12/2010; Cháu Thái Tiến T1, sinh ngày 19/9/2015, chị L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét Trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ lúc thụ lý đến khi xét xử: Anh Thái Hồng V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Thái Hồng V.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2008, Chị Đặng Thị Tuyết L và anh Thái Hồng V do quen biết, cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lược, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/01/2008, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống chị Chị Đặng Thị Tuyết L và anh Thái Hồng V thường xuyên bất đồng quan điểm sống hay cải vả với nhau do kinh tế gia đình gặp khó khăn; từ đó vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc dẫn đến mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Chị L xác định không còn tình cảm gì với anh V. Hiện mỗi người đều có một cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu được ly hôn anh V. Anh V vắng mặt không lý do và không có ý kiến để Hội đồng xét xử xem xét. Xét yêu cầu của chị Đặng Thị Tuyết L là có căn cứ. Áp dụng vào Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Tuyết L. Chị Đặng Thị Tuyết L được ly hôn anh Thái Hồng V.

[4]Xét về con chung: Chị Đặng Thị Tuyết L và anh Thái Hồng V chung sống với nhau có sinh được 02 con chung tên Thái Ngọc T, sinh ngày 20/12/2010; Thái Tiến T1, sinh ngày 19/9/2015 hiện 2 cháu đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị L đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 2 con chung. Để ổn định môi trường sống, chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập của các cháu không bị thay đổi, nên để chị L tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và không trái pháp luật. Chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Anh V vắng mặt không lý do và không có ý kiến để Hội đồng xét xử xem xét. Xét yêu cầu của chị L là có cơ sở. Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đinh năm 2014 Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị L. Chị Đặng Thị Tuyết L được quyền nuôi dưỡng 02 con chung tên Thái Ngọc T, sinh ngày 20/12/2010; Thái Tiến T1, sinh ngày 19/9/2015 đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Anh Thái Hồng V được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh V không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh V.

[5]Về quan hệ tài sản: Chị Đặng Thị Tuyết L và anh Thái Hồng V không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Đặng Thị Tuyết L nộp 300.000 đồng, chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011784 ngày 29/12/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Chị Đặng Thị Tuyết L.

1/Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Tuyết L được ly hôn anh Thái Hồng V.

2/Về con chung: Chị Đặng Thị Tuyết L được quyền nuôi dưỡng 02 con chung tên Thái Ngọc T, sinh ngày 20/12/2010; Thái Tiến T1, sinh ngày 19/9/2015 đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Anh Thái Hồng V được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh V không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh V.

3/Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Đặng Thị Tuyết L nộp 300.000 đồng, chị L được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011784 ngày 29/12/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn chị Đặng Thị Tuyết L biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Thái Hồng V vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thành Tựu

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKS Huyện Bình Tân;
- THA huyện Bình Tân;
-UBND xã Tân Lược, Huyện Bình Tân, Vĩnh Long.
- các đương sự;
- Lưu.